

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 54/2000/QĐ-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 1 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chuẩn ngành

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 3 năm 1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý Nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải ;

Căn cứ theo điều 14 của Pháp lệnh Chất lượng hàng hoá được công bố theo lệnh số 49-LTC/HĐNN ngày 2/1/1991 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 86/CP ngày 8/12/1995 của Chính phủ quy định phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hoá;

Xét đề nghị của các ông Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế vận tải.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 . Nay ban hành kèm theo quyết định này 02 Tiêu chuẩn Ngành :

"Tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện cơ giới đường bộ". Số đăng ký : 22 -TCN 224 - 2000 .

"Quy trình kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện cơ giới đường bộ". Số đăng ký : 22 -TCN 225 - 2000.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 1 năm 2000.

Điều 3. Cục Đăng kiểm Việt Nam phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra thực hiện quyết định này .

Điều 4. Các ông : Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ Pháp chế - Vận tải, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông

vận tải, Giao thông công chính các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

TIÊU CHUẨN

An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

của phương tiện cơ giới đường bộ 22 – TCN 224 - 2000

1. QUI ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi đối tượng áp dụng:

1.1.1. Đối tượng áp dụng là các loại phương tiện cơ giới đường bộ sau đây:

Ô tô con, ô tô con chuyên dùng, ô tô khách, ô tô tải, ô tô kéo móc hoặc kéo sơ mi rơ móc, ô tô chuyên dùng (Ô tô cần cẩu, ô tô chở nhựa đường nóng lỏng, ô tô cứu thương, ô tô thang, ô tô chở chất lỏng, ô tô chở bê tông tươi, ô tô đầu kéo, ô tô tải tự đổ ...), các loại rơ móc và sơ mi rơ móc (Nửa rơ móc). Các loại phương tiện ba bánh gắn động cơ có hai bánh đồng trục (Các loại xe lam, xích lô máy ...).

1.1.2. Tiêu chuẩn này áp dụng cho việc kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, kiểm tra chứng nhận chất lượng của các phương tiện cơ giới đường bộ nói trên theo định kỳ hoặc khi đang tham gia giao thông trên đường bộ, đường đô thị.

1.1.3. Làm căn cứ kỹ thuật cho các chủ phương tiện và người lái thực hiện đầy đủ yêu cầu về bảo dưỡng, sửa chữa để phương tiện luôn luôn đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường khi tham gia giao thông.

1.1.4. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các phương tiện cơ giới đường bộ dùng vào mục đích bảo vệ an ninh và mục đích quân sự của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng (Trừ các phương tiện sử dụng vào hoạt động kinh tế do Bộ Nội vụ đăng ký và cấp biển số).

2. QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN AN TOÀN KỸ THUẬT CỦA PHƯƠNG TIỆN CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

2.1. Tổng quát:

2.1.1. Biển số đăng ký: Đủ số lượng, đúng qui cách, rõ nét, không nứt gãy, lắp chặt, đúng vị trí.

2.1.2. Số động cơ, số khung: Đúng ký hiệu và chữ số ghi trong giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện.

2.1.3. Hình dáng, bố trí chung, kích thước giới hạn:

- Hình dáng và bố trí chung: Đúng với hồ sơ kỹ thuật.
- Kích thước giới hạn không vượt quá qui định cho phép.

2.1.4. Thân vỏ, buồng lái, thùng hàng:

- Thân vỏ, buồng lái, thùng hàng: Không được thủng rách và phải lắp ghép chắc chắn với khung xe. Khung xương không có vết nứt.
- Dầm ngang và dầm dọc: Đầy đủ, đúng quy cách. Các dầm bằng kim loại không biến dạng, nứt, gỉ thủng; các dầm bằng gỗ không mục vỡ, gãy.
- Cửa xe phải đóng mở nhẹ nhàng, không tự mở.
- Các cơ cấu khóa (Cabin, thùng hàng, khoang hành lý...): Khóa, mở nhẹ nhàng; không tự mở.
- Chấn bùn: Đầy đủ, đúng quy cách, lắp ghép chắc chắn, không thủng rách.
- Màu sơn và chất lượng sơn: Đúng màu ghi trong giấy chứng nhận đăng ký phương tiện; không bong tróc, long lở.
- Tay vịn, cột chống: Đầy đủ, đúng quy cách, lắp ghép chắc chắn.
- Giá để hàng, khoang hành lý: Đầy đủ, đúng quy cách, lắp ghép chắc chắn.

2.1.5. Khung xe: Không có vết nứt, không mọt gỉ, không cong vênh ở mức nhận biết được rõ rệt bằng mắt.

2.1.6. Móc kéo: Không rạn nứt, không biến dạng. Cóc và chốt hãm không được tự mở. Xích hoặc cáp bảo hiểm (Nếu có) phải chắc chắn.

2.1.7. Khớp nối của ô tô đầu kéo và chốt kéo của sơ mi rơ moóc:

- Khớp nối (yên ngựa) của ô tô đầu kéo: Các gối đỡ không có vết nứt, thanh hãm không mòn vẹt, cơ cấu khoá và mở chốt kéo làm việc tốt.
- Chốt kéo của sơ mi rơ moóc không cong vênh; không được biến dạng, rạn nứt, mòn vẹt.

2.1.8. Chốt hãm container: Phải hoạt động tốt, không tự mở, không mòn vẹt.

2.1.9. Kính xe: Là loại kính an toàn, đúng qui cách, không rạn nứt. Kính chắn gió phía trước phải trong suốt.

2.1.10. Gạt nước, phun nước rửa kính: Đủ số lượng theo hồ sơ kỹ thuật, lắp ghép đúng, hoạt động tốt. Diện tích quét của gạt nước không nhỏ hơn hai phần ba diện tích kính chắn gió phía trước.

2.1.11. Gương quan sát phía sau: Đầy đủ, đúng qui cách, không có vết nứt, cho hình ảnh rõ ràng, ít nhất quan sát được chiều rộng 4m cho mỗi gương ở vị trí cách gương 20m về phía sau.

2.1.12. Ghế người lái và ghế hành khách: Đầy đủ, đúng quy cách, lắp đặt đúng vị trí, lắp ghép chắc chắn, có kích thước đạt tiêu chuẩn hiện hành. Cơ cấu điều chỉnh ghế (Nếu có) phải hoạt động tốt.

2.1.13. Động cơ và các hệ thống liên quan đến động cơ:

- Động cơ phải hoạt động ổn định ở chế độ vòng quay không tải nhỏ nhất, không có tiếng gõ lạ.
- Chất lỏng không rò rỉ thành giọt. Các hệ thống lắp ghép đúng và chắc chắn.
- Bầu giảm âm và đường ống dẫn khí thải phải kín.
- Dây cu roa đúng chủng loại, lắp ghép đúng.
- Thùng nhiên liệu lắp đúng, chắc chắn, nắp phải kín.

2.1.14. Các tổng thành của hệ thống truyền lực:

- Đúng với hồ sơ kỹ thuật, lắp ghép đúng, đủ các chi tiết kẹp chặt và phòng lỏng, không rò rỉ chất lỏng và chất khí.
- Ly hợp: Đóng nhẹ nhàng, cắt dứt khoát. Bàn đạp ly hợp phải có hành trình tự do.
- Hộp số: Không nhảy số, không biến dạng, không nứt.
- Trục các đăng không biến dạng, không nứt. Độ rơ của then hoa và các trục chữ thập nằm trong giới hạn cho phép.
- Cầu xe: Không biến dạng, không nứt.

2.1.15. Bánh xe :

- Các chi tiết kẹp chặt và phòng lỏng đầy đủ, đúng quy cách.

- Vành, đĩa, vòng hãm: Đúng kiểu loại, không biến dạng, không rạn nứt, không cong vênh, không có biểu hiện hư hỏng. Vòng hãm phải khít vào vành bánh xe.
- Moay ơ: Quay trơn, không bó kẹt, không có độ rơ dọc trục và hướng kính.
- Lốp: Đúng cỡ, đủ số lượng, đủ áp suất, không phồng rộp, không nứt vỡ tới lớp sợi mảnh.
- Lốp của bánh xe dẫn hướng: Lốp các bánh dẫn hướng phải cùng loại, không sử dụng lốp đắp, chiều cao hoa lốp phải đồng đều và có trị số như sau:

TT	Loại xe	Chiều cao hoa lốp (mm)
1	Ô tô con đến 09 chỗ (kể cả người lái), ô tô con chuyên dùng	Không nhỏ hơn 1,6
2	Ô tô khách trên 09 chỗ (kể cả người lái)	Không nhỏ hơn 2,0
3	Ô tô tải, ô tô chuyên dùng	Không nhỏ hơn 1,0

2.1.16. Hệ thống treo: Đầy đủ, đúng hồ sơ kỹ thuật, lắp ghép đúng và chắc chắn, không nứt gãy, không rò rỉ dầu và khí nén, đảm bảo cân bằng thân xe.

2.2. Hệ thống lái:

- Điều khiển lái nhẹ nhàng.
- Các chi tiết được bôi trơn theo quy định.

2.2.1. Vô lăng lái: Đúng kiểu loại, không nứt vỡ, bắt chặt với trục lái.

2.2.2. Trục lái: Đúng kiểu loại, lắp ghép đúng và chắc chắn, không rơ dọc trục và rơ ngang.

2.2.3. Cơ cấu lái: Đúng kiểu loại, không có biểu hiện chảy dầu (Chất lỏng chảy thành giọt), lắp ghép đúng và chắc chắn, đủ chi tiết kẹp chặt và phòng lỏng.

2.2.4. Thanh và đòn dẫn động lái: Không biến dạng, không có vết nứt, đủ các chi tiết kẹp chặt và phòng lỏng, lắp ghép đúng và chắc chắn.

2.2.5. Các khớp cầu và khớp chuyển hướng: Lắp ghép đúng và chắc chắn, đủ chi tiết phòng lỏng, không rơ, không có tiếng kêu khi lắc vô lăng lái, không có vết nứt. Vỏ bọc chắn bụi không được thủng rách.